

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 56 Luật bán đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

- Căn cứ Quyết định số 3235/QĐ-CNVTKĐ ngày 01/4/2024 về việc giá bán và hình thức bán thanh lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng tại Tổng Công ty Mạng lưới Viettel;

- Căn cứ Quyết định số 3223/QĐ-CNVTKĐ ngày 01/4/2024 về việc giá bán và hình thức bán thanh lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng tại Tổng Công ty Mạng lưới Viettel,

Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội thông báo về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá để thực hiện bán đấu giá tài sản thanh lý. Cụ thể như sau:

#### 1. Thông tin đơn vị có tài sản đấu giá:

- Tên đơn vị: Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.

- Địa chỉ: Tòa nhà Thái Bình - Lô B1C cụm sản xuất tiêu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

#### 2. Thông tin về tài sản đấu giá:

- Tên tài sản: 02 Lô tài sản không còn nhu cầu sử dụng.

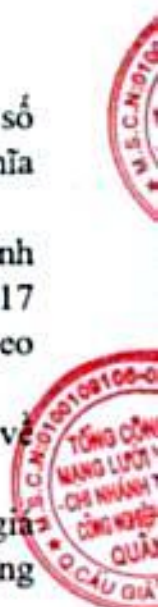
- Chi tiết số lượng tài sản: 02 phụ lục chi tiết đính kèm.

#### 3. Giá khởi điểm bán đấu giá (giá đã bao gồm thuế GTGT):

- Lô 1 (PL01): **2.536.300.000 VND** (bằng chữ: Hai tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn).

- Lô 2 (PL02): **5.269.000.000 VND** (bằng chữ: Năm tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu đồng chẵn)

Lưu ý: Đây là giá bán tại chỗ (tại các địa điểm để tài sản của Tổng Công ty Mạng lưới Viettel), toàn bộ chi phí vận chuyển, bốc xếp và các chi phí phát sinh khác (nếu có) do bên mua chịu.



#### 4. Tiêu chí lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản:

- Không vi phạm pháp luật về đấu giá tài sản. Thực hiện đúng các hướng dẫn tại công văn số 1949/BTP-BTBTP ngày 14/06/2022 của Bộ Tư pháp triển khai Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp.

- Nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá kèm theo bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh cho các tiêu chí đánh giá và tự chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp pháp, đầy đủ, chính xác đối với thông tin các giấy tờ, tài liệu đó. Hồ sơ phải được đóng quyển, có chữ ký của người đại diện hợp pháp, đóng dấu và đóng dấu giáp lai hồ sơ, để trong túi đựng hồ sơ dán kín, có đóng dấu niêm phong của tổ chức đấu giá tài sản.

- Bố cục trình bày nội dung hồ sơ theo thứ tự các tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá quy định tại phụ lục I Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp.

- Nộp 01 (một) bản tự chấm điểm theo thông báo này, có con dấu, chữ ký của đại diện hợp pháp của tổ chức đấu giá tài sản đóng kèm theo trong bộ hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá.

- Tài sản đấu giá cùng loại là tài sản đấu giá được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá năm 2016 và Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp (Phụ lục 1, III.1, III.2, ghi chú số 1 kèm theo Phụ lục). Dựa trên các tiêu chí này, tổ chức đấu giá chỉ liệt kê các hợp đồng/cuộc đấu giá mà tài sản đấu giá thuộc Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Việc kê khai phải đầy đủ, thống nhất với số liệu trong báo cáo của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản gửi Bộ Tư pháp.

- Tổ chức đấu giá tài sản gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

- Trường hợp trong hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá thiếu thông tin và tài liệu chứng minh của tiêu chí đánh giá nào thì tiêu chí đó không được chấm điểm.

- Đơn vị tổ chức đấu giá tài sản nào có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại là đơn vị được lựa chọn. Trường hợp có từ 02 (hai) tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

➢ Ưu tiên 1: Tổ chức đấu giá có mức thù lao dịch vụ thấp hơn.

➢ Ưu tiên 2: Xét tương quan giữa phương án đấu giá của hai đơn vị. Người có tài sản sẽ lựa chọn tổ chức đấu giá có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của người có tài sản.

| TT | NỘI DUNG   | MỨC ĐIỂM TỐI ĐA | TÀI LIỆU CHỨNG MINH |
|----|--|-----------------|---------------------|
| I  | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 23,0            |                     |
| I  | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá  | 11,0            |                     |



| TT  | NỘI DUNG  | MỨC ĐIỂM TỐI ĐA | TÀI LIỆU CHỨNG MINH                                  |
|-----|---|-----------------|--|
| 1.1 | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)  | 6,0             |  |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện   | 5,0             |  |
| 2   | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>  | <b>8,0</b>      |  |
| 2.1 | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá   | 4,0             |  |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá  | 4,0             | Có bản chụp hình ảnh chứng minh                      |
| 3   | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động   | 2,0             | Kê khai đường link trang điện tử                     |
| 4   | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến   | 1,0             | Có bản chụp văn bản của cơ quan thẩm quyền phê duyệt |
| 5   | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá  | 1,0             | Có bản chụp hình ảnh chứng minh                      |
| II  | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>  | <b>22,0</b>     |  |
| 1   | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan   | 4,0             |  |
| 2   | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao   | 4,0             |  |
| 3   | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá  | 4,0             |  |
| 4   | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá   | 4,0             |  |
| 5   | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá   | 3,0             |  |
| 6   | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá  | 3,0             |  |
| III | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>  | <b>45,0</b>     |  |
| 1   | Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng).<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5 | 6,0             | Thống kê theo mẫu biểu 01 đính kèm thông báo         |
| 1.1 | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)  | 2,0             |  |
| 1.2 | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng   | 3,0             |  |

| TT  | NỘI DUNG  | MỨC ĐỂM TỐI ĐA | TÀI LIỆU CHỨNG MINH                                  |
|-----|---|----------------|--|
| 1.3 | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng   | 4,0            |  |
| 1.4 | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng   | 5,0            |  |
| 1.5 | Từ 30 hợp đồng trở lên  | 6,0            |  |
| 2   | <b>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bán chính hoặc bán sao hợp đồng)<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</b>                                     | 18,0           | Thống kê theo mẫu biểu 02 đính kèm thông báo         |
| 2.1 | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)   | 10,0           |  |
| 2.2 | Từ 20% đến dưới 40%   | 12,0           |  |
| 2.3 | Từ 40% đến dưới 70%   | 14,0           |  |
| 2.4 | Từ 70% đến dưới 100%  | 16,0           |  |
| 2.5 | Từ 100% trở lên   | 18,0           |  |
| 3   | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</b>   | 5,0            | Có bản chụp văn bản của cơ quan thẩm quyền phê duyệt |
| 3.1 | Dưới 03 năm   | 3,0            |  |
| 3.2 | Từ 03 năm đến dưới 05 năm   | 4,0            |  |
| 3.3 | Từ 05 năm trở lên   | 5,0            |  |
| 4   | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</b>  | 3,0            |  |
| 4.1 | 01 đấu giá viên   | 1,0            |  |
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên  | 2,0            |  |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên  | 3,0            |  |
| 5   | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản<br/>(tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</b> | 4,0            | Có bản chụp thẻ đấu giá viên                         |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên  | 2,0            |  |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên  | 3,0            |  |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên   | 4,0            |  |



| TT  | NỘI DUNG  | MỨC ĐIỂM TỐI ĐA | TÀI LIỆU CHỨNG MINH  |
|-----|---|-----------------|--|
| 6   | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4  | 5,0             | Có bản chụp giấy nộp tiền, tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, thông báo của cơ quan thuế về việc xác nhận doanh nghiệp đã thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng  | 2,0             |  |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng  | 3,0             |  |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng   | 4,0             |  |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên   | 5,0             |  |
| 7   | Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2   | 3,0             |  |
| 7.1 | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)   | 2,0             |  |
| 7.2 | Từ 03 nhân viên trở lên   | 3,0             |  |
| 8   | Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn  | 1,0             | Có bản chụp văn bản của cơ quan thẩm quyền phê duyệt   |
| IV  | Thu lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3   | 5,0             | Thống kê theo mẫu biểu 03 – STT số 1 đính kèm thông báo  |
| 1   | Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính   | 3,0             |  |
| 2   | Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)                                     | 4,0             |  |
| 3   | Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)                               | 5,0             |  |
| V   | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định  | 5,0             |  |
| 1   | Trong 3 năm (năm 2021, 2022, 2023) đã từng ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Tổng Công ty Mạng lưới Viettel (không tính các đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) | 3,0             | Thống kê theo mẫu biểu 04 đính kèm thông báo   |
| 2   | Có địa chỉ trụ sở chính trên địa bàn Hà Nội   | 1,0             | Có bản chụp giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản  |

| TT                  | NỘI DUNG   | MỨC ĐIỂM TỐI ĐA           | TÀI LIỆU CHỨNG MINH  |
|---------------------|--|---------------------------|--|
| 3                   | <i>Chi phí đấu giá đấu giá tài sản thấp nhất (chưa bao gồm thuế GTGT): gồm chi phí niêm yết, thông báo công khai, chi phí thực tế hợp lý khác cho việc đấu giá tài sản.<br/>Công thức tính điểm = Giá của đơn vị chào chi phí đấu giá thấp nhất (giá chưa có VAT) x 1 (điểm tối đa)/Giá của đơn vị mình chào chi phí đấu giá (chưa có VAT)</i> | 1,0                       | <i>Thống kê theo mẫu biểu 03 – STT số 2 đính kèm thông báo</i> |
| <b>Tổng số điểm</b> |  | <b>100</b>                |  |
| VI                  | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>  |                           |  |
| 1                   | <i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>  | <i>Đủ điều kiện</i>       | <i>Có bản chụp thống báo của cơ quan có thẩm quyền</i>         |
| 2                   | <i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>  | <i>Không đủ điều kiện</i> |  |

**5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ, quy cách hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:**

- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Kể từ ngày thông báo đến 17 giờ 00 phút ngày 09/05/2024.

- Địa điểm nhận hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

Phòng Đầu tư – Tổng Công ty Mạng lưới Viettel.

Địa chỉ: Tòa nhà Thái Bình – Ngõ 19 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội (liên hệ số điện thoại: 0989.555.656).

- Tổ chức đấu giá tài sản nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện trong giờ hành chính nhưng phải đảm bảo Tổng Công ty Mạng lưới Viettel nhận được hồ sơ đúng thời gian quy định trên (trước 17h ngày 09/05/2024). Hồ sơ đến sau 17h ngày 09/05/2024 được coi là không hợp lệ và sẽ không được xét chọn.

- Các tài liệu chứng minh phải được xác nhận sao y bởi Tổ chức đấu giá tài sản.

- Trong trường hợp cần làm rõ Tổng Công ty Mạng lưới Viettel có quyền yêu cầu tổ chức đấu giá tài sản cung cấp bản chính để đối chiếu.

**Lưu ý:**

- Trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu.

- Hồ sơ phải được niêm phong dán kín.

- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel sẽ có văn bản thông báo cho tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn, những tổ chức đấu giá tài sản không được thông báo được hiểu là không được lựa chọn. Tổng Công ty Mạng lưới Viettel không hoàn trả hồ sơ với những tổ chức đấu giá tài sản không được lựa chọn.

Tổng Công ty Mạng lưới Viettel rất mong nhận được sự quan tâm của các tổ chức Đấu giá chuyên nghiệp.

**Nơi nhận:**

- Các tổ chức đấu giá;

- Lưu: VT, ĐT, Tâm 02.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trung tá Nguyễn Đạt